

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 11 – AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 155/2025/DS-ST

Ngày: 29/9/2025

“V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - AN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Võ Thanh Nhân;

2. Ông Võ Lâm Sơn.

- Thư ký phiên tòa: Bà Huỳnh Tiểu Ngọc là Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 11 - An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11 - An Giang tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Diễm Thuý - Kiểm sát viên.

Ngày 29 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 354/2025/TLST-DS ngày 18 tháng 6 năm 2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 286/2025/QĐXXST – DS ngày 22 tháng 8 năm 2025, Quyết định hoãn phiên tòa số 290/2025/QĐST-DS ngày 11 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang; giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP N (V2); địa chỉ: Số A T, phường H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Thanh T - Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo uỷ quyền:

Ông Nguyễn Hữu T1

Ông Nguyễn Phong V; có văn bản xin xét xử vắng mặt.

Địa chỉ: Số A T, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (địa chỉ trước đây: phường T, quận T, thành phố Hồ Chí Minh).

2. Bị đơn: Ông Hồ Văn Đ, sinh năm 1996; địa chỉ; ấp M, xã N, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang); vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và lời khai cung cấp trong quá trình giải quyết vụ người đại diện theo uỷ quyền cho Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 là ông Trần Phong V1 trình bày: Ngân hàng TMCP N (V2) với ông Hồ Văn Đ có ký kết hợp đồng tín dụng thông qua việc cấp thẻ tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022. Theo đó Ngân hàng có cho ông Đ vay vốn với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 18%/năm. Trong quá trình vay, ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng cũng đã nhiều lần gọi điện cho ông Đ và gửi thông báo nhắc nhở đến địa chỉ ông Đ nhưng vẫn không thực hiện đúng như cam kết. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Hồ Văn Đ phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng với tổng số tiền tính đến ngày 29/9/2025 là 38.771.675 đồng, trong đó nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí tín dụng là 13.022.373 đồng. Ngoài ra, ông Đ còn phải chịu tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022 giữa Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 với ông Đ kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng mà ông Đ đã ký với Ngân hàng.

Ông Hồ Văn Đ đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và không gửi văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

Tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn cung cấp chứng minh cho ý kiến, yêu cầu khởi kiện là: Hợp đồng tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022; Điều lệ Ngân hàng; Hộ khẩu và căn cước công dân (photo). Văn bản uỷ quyền và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ.

Tại phiên tòa,

Đại diện theo uỷ quyền cho Ngân hàng có văn bản xin xét xử vắng mặt nên không cấp tài liệu, chứng cứ nào khác.

Bị đơn vắng mặt không có ý kiến.

- Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại các Điều 70, 71 và 234 Bộ luật Tố tụng dân sự.

(Nguyên đơn có văn bản xin xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn phù hợp với quy định tại Điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.)

- Ý kiến giải quyết vụ án:

Ngày 17/6/2022, giữa Ngân hàng TMCP N - Chi nhánh T2 (Ngân hàng) và ông Hồ Văn Đ ký hợp đồng tín dụng thông qua việc cấp thẻ tín dụng số 104409421459, hạn mức tín dụng 40.000.000 đồng, lãi suất 18%/năm. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán, tính đến ngày 29/9/2025, ông Đ còn nợ số tiền 38.771.675 đồng, gồm nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí thẻ tín dụng 13.022.373 đồng. Nay, Ngân hàng yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền 38.771.675 đồng, gồm nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí thẻ tín dụng 13.022.373 đồng tính đến ngày 29/9/2025, tính lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng.

Phía ông Đ vắng mặt không có lý do.

Xét thấy, hợp đồng tín dụng được phê duyệt ngày 17/6/2022 giữa Ngân hàng với ông Đ được xác lập trên cơ sở tự nguyện thỏa thuận và được cấp thẻ tín dụng với hạn mức 40.000.000 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, do ông Đ vi phạm nghĩa vụ thanh toán trả nợ và lãi theo định kỳ, nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông Đ trả cho Ngân hàng số tiền 38.771.675 đồng, gồm nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí thẻ tín dụng 13.022.373 đồng tính đến ngày 29/9/2025, và tính lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng là có cơ sở xem xét.

Từ những phân tích trên, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự, Điều 91, 95 Luật Các tổ chức tín dụng:

Công nhận hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP N với ông Hồ Văn Đ.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N.

Buộc ông Hồ Văn Đ trả cho Ngân hàng TMCP N số tiền 38.771.675 đồng, gồm nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí thẻ tín dụng 13.022.373

đồng tính đến ngày 29/9/2025, tiền lãi phát sinh tiếp theo cho đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

** Về tố tụng:*

[1] *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 khởi kiện yêu cầu ông Hồ Văn Đ thanh toán cho Ngân Hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 29/9/2025 là 38.771.675 đồng, trong đó nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí tín dụng là 13.022.373 đồng. Ông Hồ Văn Đ có nơi cư trú ấp M, xã N, tỉnh An Giang (địa chỉ trước đây: ấp M, xã N, huyện C, tỉnh An Giang) nên Tòa án nhân dân khu vực 11- An Giang thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] *Về sự vắng mặt của đương sự:* Trước khi phiên tòa được mở đại diện uỷ quyền cho Ngân hàng có văn bản xin xét xử vắng mặt, bị đơn ông Hồ Văn Đ đã được tổng đạt quyết định xét xử và quyết định hoãn phiên Tòa nhưng vẫn vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đại diện uỷ quyền cho Ngân hàng, ông Hồ Văn Đ theo quy định tại khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

** Về nội dung:*

[3] *Về việc xác lập và thực hiện hợp đồng:*

Qua lời khai trình bày của người đại diện uỷ quyền cho Ngân hàng tại các biên bản hòa giải và các tài liệu chứng cứ cung cấp, qua quá trình giải quyết vụ án. Hội đồng xét xử xác định giữa Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 với ông Hồ Văn Đ có ký kết Hợp đồng tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022. Theo đó Ngân hàng có cho ông Đ vay vốn với tổng số tiền là 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng), lãi suất 18%/năm. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ không thanh toán cho Ngân hàng số tiền vốn và lãi như đã ký kết, Ngân hàng đã nhiều lần liên hệ, gửi thông báo nhắc nhở đến ông Đ nhưng không có kết quả.

Nay, Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 yêu cầu ông Hồ Văn Đ phải có nghĩa vụ trả cho ngân hàng với tổng số tiền 38.771.675 đồng, trong đó

nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí tín dụng là 13.022.373 đồng (tạm tính đến ngày 29/9/2025). Ngoài ra, ông Đ còn phải chịu số tiền lãi tiếp tục phát sinh theo Hợp đồng tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022 giữa Ngân hàng với ông Hồ Văn Đ kể từ ngày 30/9/2025 đến khi ông Đ thanh toán xong toàn bộ nghĩa vụ theo hợp đồng mà ông Đ đã ký với Ngân hàng.

Quá trình thực hiện hợp đồng ông Đ đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Mặt khác, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên Toà ông Đ không thể hiện ý kiến bằng văn bản để Hội đồng xét xử xem xét.

Căn cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn cung cấp là hợp đồng tín dụng. Tuy nhiên cho đến ngày 29 tháng 9 năm 2025 cũng không thanh toán số nợ còn lại nên đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán, nay Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Đ có nghĩa vụ thanh toán trong các khoản tiền vừa vốn và lãi là phù hợp Điều 95 Luật tổ chức tín dụng.

[4] Về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và nghĩa vụ trả nợ của bị đơn

Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 yêu cầu ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng tổng số tiền nợ tạm tính đến hết ngày 29/9/2025 là 38.771.675 đồng, trong đó nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí tín dụng là 13.022.373 đồng.

Xem xét yêu cầu nghĩa vụ trả nợ của ông Đ, Hội đồng xét xử nhận thấy, giữa Ngân hàng TMCP N (V2) – Chi nhánh T2 với ông Hồ Văn Đ cùng xác lập hợp đồng tín dụng với nhau, sau đó ông Đ không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng, mặc dù Ngân hàng đã yêu cầu nhiều lần và gửi thông báo đến ông Đ, do đó Hội đồng xét xử nghĩ nên buộc ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng số tiền 38.771.675 đồng, trong đó nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí tín dụng là 13.022.373 đồng là có căn cứ phù hợp với quy định của pháp luật theo các Điều 463, 466, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Ngoài ra, ông Hồ Văn Đ còn phải có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng số tiền lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn trong hợp đồng tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022 kể từ ngày 30/9/2025 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Căn cứ vào Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy

ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Hồ Văn Đ phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

Ngân hàng TMCP N (V2) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều:

Điều 323, 463, 466 và Điều 468 - Bộ luật dân sự năm 2015.

Khoản 2 Điều 91, 95 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

Điều 49 Nghị định 21/2021/NĐ – CP ngày 19/3/2021 của Chính phủ quy định thi hành Bộ luật dân sự về bảo đảm thực hiện nghĩa vụ:

Điều 26, 35, 39, 144, 146, 147, 227, 228, 235, 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP N (V2).

[1] Buộc ông Hồ Văn Đ có nghĩa vụ trả cho Ngân hàng TMCP N (V2) số tiền 38.771.675 đồng, trong đó nợ thẻ tín dụng 25.749.302 đồng, lãi và phí tín dụng là 13.022.373 đồng

Kể từ ngày 30/9/2025 ông Hồ Văn Đ còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng số J04409421459 ngày 17/6/2022 cho đến khi ông Hồ Văn Đ thanh toán xong toàn bộ khoản nợ gốc cho Ngân hàng.

[2] Về án phí dân sự sơ thẩm.

Ông Hồ Văn Đ phải chịu 1.938.583 đồng (một triệu chín trăm ba mươi tám nghìn năm trăm tám mươi ba đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP N (V2) không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho Ngân hàng TMCP N (V2) số tiền tạm ứng án phí 1.199.226.000 đồng (một triệu chín trăm chín mươi chín nghìn hai trăm hai mươi sáu đồng) mà Ngân hàng TMCP N (V2) đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số

0045518 do Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 27 tháng 12 năm 2024.

[3]. Đương sự có mặt tham gia phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND khu vực 11- An Giang;
- Phòng THADS khu vực 11- An Giang.
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu văn phòng (1).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châu Vũ Sơn